

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
THÀNH PHỐ THÀNH CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 853/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v: Tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Phúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thủy.
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong các ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 616/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2022/QĐXXST-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trịnh Thị L; sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 18/1 Ấp b, xã TQT, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Ông Trần Anh N, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: 18/1 Ấp b, xã TQT, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2022, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị L trình bày: Bà L và ông Trần Anh N chung sống vợ, chồng từ năm 2010, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 82/2010, do Ủy ban nhân dân xã TQT, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 6 năm 2010. Trong quá trình chung sống không cùng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đánh nhau và bà L xác định không còn tình cảm gia đình và không thể hàn gắn vợ, chồng. Do đó bà L yêu cầu được ly hôn với ông Trần Anh N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Tuấn K, giới tính: Nam, sinh ngày 31/5/2011, bà L đồng ý giao trẻ Trần Tuấn K cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng và xin tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có.

Bị đơn ông Trần Anh N: Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thẩm quyền giải quyết:**

Xét bị đơn ông Trần Anh N hiện đang cư trú tại: 18/1 Ấp b, xã TQT, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **[2] Về thủ tục tố tụng:**

Xét bị đơn ông Trần Anh N đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N không đến Tòa tham gia giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án tiến hành việc xét xử vắng mặt ông N đúng theo quy định phù hợp các Điều 227, Điều 228, Điều 254 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Xét nguyên đơn bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L là phù hợp pháp luật.

#### **[3] Về nội dung tranh chấp:**

[3.1] Xét bà Trịnh Thị L và ông Trần Anh N chung sống vợ, chồng từ năm 2010, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 82/2010, do Ủy ban nhân dân xã TQT, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 6 năm 2010, đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà Trịnh Thị L về việc ly hôn với ông Trần Anh N. Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của bà L nhận thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà L và ông N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không phù hợp, không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau và hai bên không còn quan tâm đến nhau, đã sống ly thân, khả năng hàn gắn tình cảm vợ, chồng không còn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ phù hợp quy định tại các Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Xét về con chung: Có 01 con chung tên Trần Tuấn K, giới tính: Nam, sinh ngày 31/5/2011, bà L đồng ý giao trẻ Trần Tuấn K cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng và xin tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung và tại bản tự khai ngày 10/6/2022 trẻ Trần Tuấn K có nguyện vọng sống với cha thì điều này phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị L xác định không có nên không xét.

[3.3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trịnh Thị L phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0041223, ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Vắng mặt đối với bà Trịnh Thị L và ông Trần Anh N.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trịnh Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị L được ly hôn với ông Trần Anh N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2010 do Ủy ban nhân dân xã TQT, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 6 năm 2010 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Tuấn K, giới tính: Nam, sinh ngày 31/5/2011. Giao ông Trần Anh N trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Tuấn K. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho bà L cho đến khi nào ông N có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị L xác định không có.

Thi hành tại cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Trịnh Thị L phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0041223, ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bà Trịnh Thị L và ông Trần Anh N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi Nhận:**

- TAND.TP Hồ Chí Minh;
- VKSND H. B;
- CCTHA DS H. B;
- UBND xã TQT,  
huyện B, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**Trần Văn Phúc**